TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HÒA BÌNH** **TỈNH BẠC LIÊU**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 26/03/2019
V/v: "Tranh chấp hôn nhân và gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒA BÌNH, TỈNH BẠC LIÊU

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**
Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông Lê Thanh Danh.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông: Nguyễn Văn Miên
2. Ông: Võ Tấn phước

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Phan Thị Mỹ Ghết - Thư ký Toà án nhân dân huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu *tham gia phiên tòa*: Bà Dương Thục Trinh - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 3 năm 2019 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 13/2019/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 01 năm 2019 về *"Tranh chấp hôn nhân và gia đình"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2019/QĐXX- ST ngày 06 tháng 03 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Võ Thị K**, sinh năm 1978

2. Bị đơn: Anh **Nguyễn Tứ H** , sinh năm 1980

Cùng địa chỉ: Ấp G, xã VHA, huyện HB, tỉnh Bạc Liêu.

(Chị K có mặt; anh H có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***** Theo nguyên đơn là chị Võ Thị K trình bày**:** Chị và anh Nguyễn Tứ H xây dựng hôn nhân vào năm 2001, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương, không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Quá trình chung sống chị và anh H có 02 con chung tên là Nguyễn Hữu T, sinh ngày 12/06/2002 và Nguyễn Khánh N, sinh ngày 13/10/2007 hiện đang sống với chị. Tài sản chung vợ chồng chị tự thoả thuận, về nợ chung: không có.

Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn giữa chị và anh H là do cuộc sống vợ chồng không hòa hợp, bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cãi với nhau dẫn đến mâu thuẫn ngày càng lớn, cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc. Vợ chồng chị đã sống ly thân khoảng 04 năm nay. Trong thời gian ly thân với nhau vợ chồng chị

không tìm nhau để hàn gắn quan hệ hôn nhân mà mỗi người tự tìm hạnh phúc riêng cho mình. Nay, chị yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Tứ H, yêu cầu nuôi con chung là cháu Nguyễn Hữu T, sinh ngày 12/06/2002 và Nguyễn Khánh N, sinh ngày 13/10/2007, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung tự thỏa thuận, nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra, chị không còn ý kiến trình bày gì thêm.

Theo bị đơn là anh Nguyễn Tứ H trình bày: Anh H thống nhất toàn bộ ý kiến trình bày của chị Võ Thị K về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung, nợ chung là đúng. Do vợ chồng anh bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cãi, cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc, vợ chồng anh đã sống ly thân khoảng 04 năm nay. Trong thời gian ly thân với nhau vợ chồng anh không tìm nhau để hàn gắn quan hệ hôn nhân mà mỗi người tự tìm hạnh phúc riêng cho mình. Vì vậy, anh đồng ý ly hôn với chị K và đồng ý giao con chung là cháu Nguyễn Hữu T, sinh ngày 12/06/2002 và Nguyễn Khánh N, sinh ngày 13/10/2007 cho chị K tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Tài sản chung tự thỏa thuận, nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra, anh không còn ý kiến trình bày gì thêm.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu: Về thủ tục tố tụng: từ khi thụ lý đến khi xét xử vụ án, những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không công nhận chị K và anh H là vợ chồng; giao con chung là cháu Nguyễn Hữu T, sinh ngày 12/06/2002 và Nguyễn Khánh N, sinh ngày 13/10/2007 cho chị K tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Chị K không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi cháu T và cháu N, anh H được quyền thăm nom con chung không ai được quyền cản trở. Chị K phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: tranh chấp giữa chị K và anh H là "*tranh chấp ly hôn"* theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu. Anh H có yêu cầu được xét xử vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ hôn nhân: chị K và anh H xây dựng hôn nhân trên cơ sở tự nguyện vào năm 2001, có tổ chức lễ cưới theo truyền thống, nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống chị K và anh H không quan tâm xây dựng hạnh phúc, yêu thương nhau mà thường xuyên cự cãi do bất đồng quan điểm sống, vì vậy mâu thuẫn kéo dài, chẳng những không có biện pháp để

khắc phục, dung hòa mà mâu thuẫn ngày càng lớn, từ đó dẫn đến rạn nứt tình cảm vợ chồng; chị K và anh H không còn tình cảm yêu thương với nhau thể hiện qua việc chị và anh đã sống ly thân khoảng 04 năm nay. Quá trình giải quyết vụ án chị K vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với anh H, đồng thời anh H không có nguyện vọng hàn gắn tình cảm, cũng đồng ý ly hôn với chị K; điều này cho thấy tình trạng hôn nhân giữa chị K và anh H là trầm T, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần xem xét cho ly hôn. Tuy nhiên, chị K và anh H tự nguyện sống chung với nhau, không đăng ký kết hôn. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình 2014, hôn nhân giữa chị K và anh H là không hợp pháp nên không công nhận chị K và anh H là vợ chồng.

[3] Về quan hệ con chung: chị K và anh H có 02 con chung là Nguyễn Hữu T, sinh ngày 12/06/2002 và Nguyễn Khánh N, sinh ngày 13/10/2007. Chị K có nguyện vọng muốn tiếp tục nuôi cháu T và cháu N , điều này cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu T và cháu N là các cháu muốn sống với chị K nên giao cháu T và cháu N cho chị K tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Chị K không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con. Anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Tài sản chung đã tự thỏa thuận xong không yêu cầu và không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Đối với đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Bình là có căn cứ, được chấp nhận

[6] Về án phí: Chị K phải chịu án phí hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53; Điều 81,82,83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận chị Võ Thị K và anh Nguyễn Tứ H là vợ chồng.

2. Về quan hệ con chung: giao con chung là cháu Nguyễn Hữu T, sinh ngày 12/06/2002 và Nguyễn Khánh N, sinh ngày 13/10/2007 cho chị K nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Chị K không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi cháu T và cháu N. Anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Võ Thị K phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Chị K đã nộp tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0014633 ngày 23/1/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu được chuyển thu án phí.

4. Án xử sơ thẩm công khai, đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Đương sư;
- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- Sở tư pháp tỉnh Bạc Liêu
- VKSND huyện Hòa Bình;
- Chi cục THADS huyện Hòa Bình;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA:

(Đã ký)

LÊ THANH DANH